

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 477/2022/DS-PT

Ngày 05/12/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Thông

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tấn Tạng

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**  
Ông Đỗ Trung Đền - Kiểm sát viên.

Vào ngày 05 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 293/2022/TLPT-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 350/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Ngọc A, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Tổ 3, ấp TM, xã Tân Phú T, huyện C, Đồng Tháp;

**2. Bị đơn:** Ông Trần Hoàng A1, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp Tân T2, xã Tân Phú T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

*Người kháng cáo:* Ông Trần Hoàng A1.

(Bà A, ông Hoàng A1 có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc A trình bày:**

Bà A có quen biết với bà Phan Kim Thủy là vợ của ông Trần Hoàng A1, do trước đây bà A có tham gia chơi hụi do bà T1 làm chủ. Ngày 27/02/2018, bà T1 có vay của bà A 30.000.000 đồng đi học tiếng Đài Loan và đề xuất khẩu

lao động, khi vay có làm biên nhận nợ, ông Hoàng A1 viết biên nhận, vợ chồng ông Hoàng A1 và bà A đều ký tên. Khi vay thỏa thuận lãi suất 4%/tháng, thỏa thuận thời hạn vay là 05 tháng, do không chuẩn bị sẵn tiền nên sau khi viết biên nhận bà A có giao cho vợ chồng ông Hoàng A1 5.000.000đ, ngày hôm sau ngay tại quán nước gần Văn Phòng công chứng Châu Thành bà A giao tiếp cho vợ chồng ông Hoàng A1 thêm 25.000.000đ. Sau khi vay thì vợ chồng ông Hoàng A1 chưa đóng lãi và chưa trả vốn cho bà A. Năm 2019, bà A tiến hành khởi kiện ông Trần Hoàng A1 và bà Kim T1 tại Tòa án nhân dân huyện C, ngày 08/10/2019 ông Hoàng A1 có đến hòa giải và cam kết sẽ trả cho bà A số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 8/10/2019 là 8.466.000 đồng, ông Hoàng A1 tự viết cam kết với nội dung hứa trả cho bà A mỗi tháng 500.000 đồng từ tháng 11/2019 đến hết 05 tháng sau thì trả mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Do đó, bà A rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Sau khi viết cam kết ông Hoàng A1 vẫn không trả tiền cho bà A theo như thỏa thuận nên bà A khởi kiện lại.

Bà Nguyễn Thị A yêu cầu ông Trần Hoàng A1 trả số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng và tiền lãi đến khi viết cam kết 8.460.000đ và lãi tính từ tháng 10/2019 đến tháng 6/2022 trừ đi 04 tháng do dịch Covid-19 (lãi suất 1,6%/tháng) là 28 tháng tạm tính là 21.900.000 đồng. Tổng cộng bà A yêu cầu ông Hoàng A1 trả số tiền vốn và lãi là 51.900.000 đồng.

***- Bị đơn ông Trần Hoàng A1 trình bày:***

Ngày 27/02/2018, vợ ông Hoàng A1 là bà Phan Kim T1 kêu ông qua nhà bà A ký tên và nhận 5.000.000 đồng cho chẵn số tiền vay là 30.000.000 đồng, tại nhà bà A, ông Hoàng A1 có viết biên nhận và nhận 5.000.000đ, còn số tiền 25.000.000đ vợ ông đã ký tên và nhận trước nhưng ông không nhớ là nhận thời gian nào. Theo biên nhận lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng, thỏa thuận thời hạn vay là 05 tháng, biên nhận lập xong thì bà A giữ. Mục đích vợ ông vay tiền để học tiếng Đài Loan và đóng học. Khoảng tháng 6/2018 thì vợ ông đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Sau khi vợ ông đi thì ông Hoàng A1 còn nợ nhiều khoản khác nên không có khả năng trả tiền cho bà A. Khoảng năm 2019, bà A có khởi kiện ông tại Tòa án huyện C, vợ ông ở Đài Loan có yêu cầu ông trả nợ cho bà A thì bà T1 sẽ gửi tiền về để ông trả nợ. Ngày 08/10/2019, ông Hoàng A1 có viết Tờ cam kết về việc trả toàn bộ số nợ là 30.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 8/10/2019 với lãi là 8.460.000 đồng cho bà A nhưng sau đó bà T1 không còn liên lạc cũng không gửi tiền về nên ông Hoàng A1 không có khả năng trả tiền vì vậy đến nay không trả được nợ.

Nay bà A yêu cầu ông Hoàng A1 trả số tiền vốn vay là 30.000.000 đồng và tiền lãi đến khi viết cam kết 8.460.000đ và lãi tính từ tháng 10/2019 đến tháng 6/2022 trừ đi 04 tháng do dịch Covid-19 (lãi suất 1,6%/tháng) là 28 tháng tạm tính là 21.900.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 51.900.000 đồng thì ông Hoàng A1 không đồng ý. Ông Hoàng A1 chỉ đồng ý trả số tiền ông đã nhận là 5.000.000đ và lãi suất theo qui định pháp luật.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C đã xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc A.

2. Buộc ông Trần Hoàng A1 trả cho bà Phạm Thị Ngọc A số tiền 30.000.000đ và lãi 15.549.000đ (8.460.000đ + 7.089.000đ). Tổng cộng vốn lãi là 45.549.000đ.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí:

Ông Trần Hoàng A1 phải chịu 2.277.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Ngọc A phải chịu 317.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp 1.120.000đ theo biên lai số BI/2019/0013277 ngày 23/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, bà A được nhận lại 803.000đ.

- Ngày 09/9/2022 ông Hoàng A1 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 45/2022/DS-ST ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện C.

- Tại phiên tòa phúc thẩm ông Hoàng A1 phát biểu: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm bà A phát biểu: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng A1, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng A1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời phát biểu của luật sư, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản là đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Hoàng A1 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, ông chỉ đồng ý trả cho bà A 5.000.000đ và lãi của 5.000.000đ, không đồng ý trả khoản tiền 25.000.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hai bên thừa nhận là ông Hoàng A1 và bà T1 có vay của bà A số tiền 30.000.000đ, khi vay có lập biên nhận có thỏa thuận lãi suất là 4%/ tháng thời hạn vay là 05 tháng. Tuy nhiên ông Hoàng A1 trình bày chỉ có nhận 5.000.000đ, còn 25.000.000đ do bà T1 nhận nên ông Hoàng A1 chỉ chịu trách nhiệm trả cho bà A 5.000.000đ. Xét lời khai nại của ông Hoàng A1 không có cơ sở nên không chấp nhận.

Bởi vì, bà A khởi kiện yêu cầu ông Hoàng A1 trả nợ, đưa ra chứng cứ là Tờ cam kết ngày 8/10/2019 do ông Hoàng A1 lập. Tờ cam kết có nội dung ông Hoàng A1 cam kết trả cho bà A số tiền nợ vay 30.000.000đ và tiền lãi 8.460.000đ và ghi rõ phương thức trả nợ. Ông Hoàng A1 thừa nhận Tờ cam kết ngày 08/10/2019 là do ông Hoàng A1 viết và ký tên. Nên xác định là ông Hoàng A1 đã xác nhận nghĩa vụ trả nợ cho bà A.

Do đó, án sơ thẩm buộc ông Hoàng A1 trả nợ cho bà A 30.000.000đ và trả lãi 15.549.000đ là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng A1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông Hoàng A1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng A1.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của bà Phạm Thị Ngọc A.

2. Buộc ông Trần Hoàng A1 trả cho bà Phạm Thị Ngọc A số tiền nợ 30.000.000đ và lãi 15.549.000đ. Tổng cộng vốn lãi là 45.549.000đ (Bốn mươi lăm triệu năm trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

Ông Trần Hoàng A1 phải chịu 2.277.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Hoàng A1 phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0013414 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C,

Bà Phạm Thị Ngọc A phải chịu 317.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.120.000đ theo biên lai số BI/2019/0013277 ngày 23/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên bà A được nhận lại 803.000đ.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Thông**